

Số: 248/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 10 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 677/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **Huỳnh Tấn L** – sinh năm 2002

Số CCCD: 079202014375 do **Bộ C** cấp ngày 15/08/2025.

Địa chỉ: **Ấp S, phường T, thành phố Đ.**

2/ Bà **Lê Thị Mỹ N** – sinh năm 1996

Số CCCD: 075196019156 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/09/2021.

Địa chỉ: **Khu phố A, đường số A, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quan hệ giữa ông **Huỳnh Tấn L** và bà **Lê Thị Mỹ N** là hôn nhân hợp pháp, ngày 02/06/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Huỳnh Tấn L** và bà **Lê Thị Mỹ N** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giao 01 con chung là **Huỳnh Lê Minh Đ**, sinh ngày 17/09/2021 cho bà **N** là người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tạm thời ông **L** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của ông **Huỳnh Tấn L**.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[5] Về lệ phí: Ông **Huỳnh Tấn L** và bà **Lê Thị Mỹ N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0010797 và 0010796 ngày 11 tháng 05 năm 2026 tại Thi hành án dân sự **thành phố Đ**. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Huỳnh Tấn L** và bà **Lê Thị Mỹ N** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà **Lê Thị Mỹ N** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là **Huỳnh Lê Minh Đ**, sinh ngày 17/09/2021.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của ông **Huỳnh Tấn L**.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông **Huỳnh Tấn L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ ngày 10/6/2026 đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bà **N** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **L** chậm thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông **Huỳnh Tấn L** và bà **Lê Thị Mỹ N** khai không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Huỳnh Tấn L** và bà **Lê Thị Mỹ N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0010797 và 0010796 ngày 11 tháng 05 năm 2026 tại Thi hành án dân sự **thành phố Đ**. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định /bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Đồng Nai;
- UBND phường Trị An, TP Đồng Nai;
(GCNKH số 29 ngày 12/5/2022)
- THADS TP Đồng Nai;
- VKSNDTP Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Trần Và Kíu